

TỔNG QUAN

Mặc dù giá dầu thế giới đã giảm trở lại trong tuần vừa qua, nhiều chuyên gia vẫn dự báo giá dầu trong trung hạn vẫn ở mức cao. Không nằm ngoài ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới, giá xăng dầu của Việt Nam cũng được điều chỉnh tăng lần thứ 6 liên tiếp.

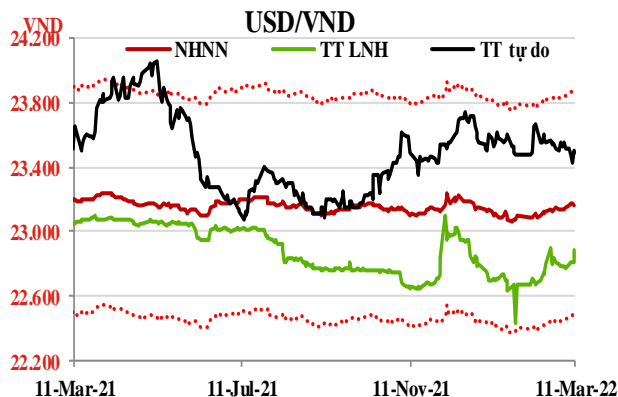
Giá dầu thế giới liên tục leo thang, lên cao nhất vào ngày 08/03/2021 khi Mỹ ban hành lệnh cấm nhập khẩu dầu và khí đốt từ Nga do xung đột tại Ukraine. Quyết định này của Mỹ được sự ủng hộ của Anh ngay sau đó. Dầu Brent đã tăng lên 131 USD/thùng khi Mỹ ban hành lệnh cấm. Dầu WTI cũng tăng lên 127 USD/thùng. Đến nay, giá dầu đã tăng trên 45% so với cuối năm ngoái, và tăng gần 18% kể từ khi xảy ra xung đột. Tuy nhiên, trong tuần vừa qua, giá dầu đã hạ nhiệt, giảm gần 5,5% so với tuần trước đó sau khi Các Tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE), một thành viên của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC), bơm thêm dầu ra thị trường nhằm bù đắp vào sự gián đoạn nguồn cung dầu của Nga do căng thẳng với Ukraine. Cùng với đó, Tổng thống Nga Vladimir Putin ngày 10/03 khẳng định nước này sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ xuất khẩu năng lượng. Mặc dù vậy, các chuyên gia cho rằng, đây chỉ là động thái tạm thời hỗ trợ giá dầu mỏ, và nhiều nhận định bi quan vẫn được đưa ra.

Các chuyên gia nhận định giá dầu sẽ vẫn ở mức cao ít nhất là trong tương lai gần và nhiều tổ chức đã điều chỉnh tăng dự báo giá dầu. Ngân hàng UBS (Thụy Sĩ) cho hay 125 USD/thùng – mức dự báo ngắn hạn đối với dầu Brent - là mức trần “mềm” cho giá dầu, con số trên có thể tăng cao hơn nữa. Ngoài ra, tình hình căng thẳng gia tăng trong thời gian dài ở Ukraine có thể đẩy giá dầu Brent lên trên 150 USD/thùng. Các nhà phân tích tại ngân hàng Bank of America (Mỹ) cũng ước tính, nếu phần lớn lượng dầu xuất khẩu của Nga bị cắt giảm, thế giới sẽ thiếu hụt khoảng 5 triệu thùng dầu mỗi ngày hoặc cao hơn. Việc này có thể đẩy giá lên tới 200 USD/thùng. Ngân hàng Goldman Sachs cho rằng, thế giới có thể phải đối mặt với một trong những cú sốc năng lượng lớn nhất từ trước đến nay, khi căng thẳng Nga - Ukraine chưa đi đến hồi kết và các nước phương Tây áp đặt hàng loạt lệnh trừng phạt với Moskva. Trong báo cáo mới nhất, Goldman Sachs đã nâng dự báo giá dầu Brent năm 2022 lên 135 USD/thùng, tăng từ mức 98 USD/thùng trước đó. Ngân hàng hiện dự kiến giá dầu Brent giao dịch ở mức 115 USD/thùng vào năm tới, tăng từ ước tính 105 USD/thùng trước đó.

Một vấn đề nữa là nếu nguồn xuất khẩu dầu và khí đốt từ Nga bị giảm, các nước sẽ mất nhiều thời gian và tiền của để tìm nguồn thay thế. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế, Nga là nhà XK dầu thô và các sản phẩm từ dầu mỏ lớn nhất thế giới. Năm 2021, nước này cung cấp 8 triệu thùng dầu mỗi ngày cho thị trường toàn cầu. Khoảng 60% lượng dầu xuất khẩu của Nga đến châu Âu, trong khi đó chỉ có 2% tới Anh và 8% tới Mỹ. Khoảng 20% lượng dầu xuất khẩu của Nga tới Trung Quốc. Các nhà phân tích phương tây ước tính, xuất khẩu dầu thô và các sản phẩm tinh chế của Nga đã giảm khoảng 3 triệu thùng/ngày và có thể giảm thêm 2 triệu thùng/ngày trong tuần tới. Các thành viên OPEC có thể cung cấp tăng sản lượng dầu cao hơn là Saudi Arabia, Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE), ở mức độ thấp hơn là Kuwait và Iraq. Song, với tổng công suất dự trữ ước tính chỉ từ 2,5- 3 triệu thùng/ngày, sản lượng này sẽ không đủ để bù đắp cho sự sụt giảm XK của Nga. Về lý thuyết, giá dầu sẽ giảm nếu các nước vùng Vịnh tăng sản lượng dầu. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn dự trữ sẽ hạn chế khả năng điều động của các nước sản xuất dầu trong trường hợp nguồn cung gián đoạn và việc định giá sẽ phải tính đến điều này. Kể cả khi các nước vùng Vịnh sử dụng đến nguồn dự trữ, giá dầu có thể không giảm nhiều và thị trường sẽ dễ bị tổn thương trước bất kỳ cú sốc gián đoạn nguồn cung nào mà không nhà cung cấp nào có thể giải quyết được. Đồng thời, dịch bệnh hơn 2 năm qua đã khiến các nhà sản xuất dầu giảm đầu tư vào ngành này, khiến cho việc tăng sản lượng trở nên khó khăn hơn. Vì vậy, Tổng Thư ký OPEC Mohammad Barkindo mới đây cảnh báo, thế giới không thể thay thế lượng dầu XK của Nga, đồng thời kêu gọi phi chính trị hóa năng lượng.

Tại Việt Nam, giá xăng liên tục được điều chỉnh lần thứ 6 liên tiếp vào ngày 11/03 vừa qua. Cụ thể: giá xăng E5RON92 tăng thêm 2.910 đồng/lít, lên mức 28.980 đồng/lít; giá xăng RON95-III tăng thêm 2.990 đồng/lít, lên mức 29.820 đồng/lít. Các mặt hàng dầu cũng điều chỉnh tăng, gồm dầu diesel tăng thêm 3.940 đồng/lít, lên mức 25.260 đồng/lít; dầu hỏa lên mức 23.910 đồng/lít. Tính từ đầu năm đến nay, xăng E5RON95 đã tăng hơn 5.800 đồng/lít, xăng RON95 tăng gần 6.000 đồng/lít, dầu diesel tăng ở mức cao nhất là 7.000 đồng/lít, dầu hỏa tăng hơn 6.700 đồng/lít, dầu mazut tăng trên 4.600 đồng/kg.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 07/03 - 11/03, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh chủ yếu theo xu hướng tăng. Chốt phiên 11/03, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.164 VND/USD, tăng 13 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được niêm yết ở mức 23.050 VND/USD. Tỷ giá LNH cũng diễn biến theo xu hướng tăng khá mạnh trong tuần qua. Chốt phiên cuối tuần 11/03, tỷ giá LNH đóng cửa tại 22.809 VND/USD, tăng 39 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục tăng – giảm đan xen trong tuần. Chốt phiên cuối tuần 11/03, tỷ giá tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi tăng 05 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.430 VND/USD và 23.485 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	2.14	-0.14	0.16	0.01	3Y	1.46	-0.086
1W	2.18	-0.12	0.21	0.01	5Y	1.52	-0.075
2W	2.22	-0.05	0.28	0.02	7Y	1.73	-0.047
1M	2.16	0.03	0.41	0.07	10Y	2.27	-0.023
2M	2.34	-0.03	0.48	0.05	15Y	2.61	-0.043
3M	2.42	-0.01	0.58	0.03			
6M	2.64	0.06	0.82	0.00			
9M	2.73	0.00	1.15	0.04			
1Y	3.02	0.09	1.18	0.03			

Nguồn: Reuters

Tuần từ 07/03 - 11/03, lãi suất VND LNH tiếp tục biến động theo xu hướng giảm ở hầu hết các kỳ hạn, ngoại trừ tăng ở kỳ hạn 1M. Chốt ngày 11/03, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 2,14% (-0,14 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 2,18% (-0,12 đpt); 2W 2,22% (-0,05 đpt); 1M 2,16% (+0,03 đpt).

Lãi suất USD LNH tiếp tục ít biến động trong tuần qua. Chốt tuần 11/03, lãi suất USD LNH đóng cửa tăng 0,01 – 0,07 đpt ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: ON 0,16%; 1W 0,21%; 2W 0,28% và 1M 0,41%.

• **Thị trường mở**

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
11-03-22	1	14	2.50	10,000	-	541.00	- 541.00	1,697.12
10-03-22	1	14	2.50	10,000	-	-	-	2,238.12
09-03-22	1	14	2.50	10,000	-	-	-	2,238.12
08-03-22	1	14	2.50	10,000	427.20	377.00	50.20	2,238.12
07-03-22	1	14	2.50	10,000	591.80	-	591.80	2,187.92
Tổng cộng				50,000	1,019.00	918.00	101.00	

Trên thị trường mở tuần từ 07/03 - 11/03, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng/phiên trên kênh cầm cố ở cả 5 phiên, đều với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Có 1.019 tỷ đồng trúng thầu trong tuần qua. Trong tuần có 918 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 101 tỷ VND ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này tăng lên mức 1.697,12 tỷ VND.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN.

• **Thị trường trái phiếu**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 09/03, KBNN gọi thầu 6.000 tỷ đồng TPCP. Khối lượng gọi thầu các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 20 năm lần lượt là 1.000 tỷ đồng, 2.000 tỷ đồng, 2.000 tỷ đồng và 1.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, phiên đấu thầu thất bại. Vùng lãi suất đặt thầu thấp nhất – cao nhất đồng loạt tăng so với phiên trước đó, với mức tăng phổ biến từ 10 – 30 điểm.

Trong tuần có 4.750 tỷ đồng TPCP đáo hạn.

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	9-Mar-22	5	1000	0	0.00%	0.00%	0%	1.85	8
MOF	9-Mar-22	10	2000	0	0.00%	0.00%	0%	2.45	14
MOF	9-Mar-22	15	2000	0	0.00%	0.00%	0%	1.88	10
MOF	9-Mar-22	20	1000	0	0.00%	0.00%	0%	0.30	2
Tổng			6000	0			0%	1.80	

Trong tuần này từ 14/03 - 18/03, có 300 tỷ đồng TPCP đáo hạn.

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 11.041 tỷ đồng/phiên, giảm so với mức 12.103 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
7/Mar/22	164	662	5,282	2,031	8,139	7/Mar/22	1,427	1,382	-	-	2,809
8/Mar/22	106	597	4,779	2,323	7,804	8/Mar/22	2,415	-	-	-	2,415
9/Mar/22	209	777	5,026	2,936	8,948	9/Mar/22	2,981	1,054	-	-	4,035
10/Mar/22	-	720	3,846	2,782	7,348	10/Mar/22	1,024	1,663	285	-	2,973
11/Mar/22	314	481	6,434	1,381	8,610	11/Mar/22	1,277	435	412	-	2,124
Tổng	793	3,238	25,367	11,452	40,849	Tổng	9,124	4,535	698	-	14,356
+_ WoW	(89)	(1,229)	6,691	(1,600)	3,773	+_ WoW	(8,114)	(1,554)	587		(9,081)
% WoW	-10%	-28%	36%	-12%	10%	% WoW	-47%	-26%	532%		-39%
Tỷ trọng	2%	8%	62%	28%	100%	Tỷ trọng	64%	32%	5%	0%	100%

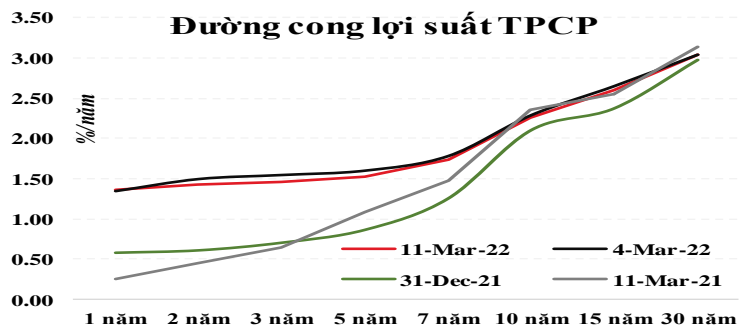
Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP điều chỉnh giảm so với cuối tuần trước đó ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 11/03, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 1,35% (+0,01 đpt); 2 năm 1,43% (-0,07 đpt); 3 năm 1,46% (-0,09 đpt); 5 năm 1,52% (-0,08đpt); 7 năm 1,73% (-0,05 đpt); 10 năm 2,27% (-0,02 đpt); 15 năm 2,61% (-0,04 đpt); 30 năm 3,04% (không thay đổi).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

%/năm	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	30 năm
11-Mar-22	1.35	1.43	1.46	1.52	1.73	2.27	2.61	3.04
So WoW	0.01	-0.07	-0.09	-0.075	-0.05	-0.02	-0.04	0.000
So YoY	1.10	0.97	0.82	0.45	0.25	-0.10	0.06	-0.10
So YTD	0.78	0.82	0.76	0.66	0.48	0.17	0.24	0.07

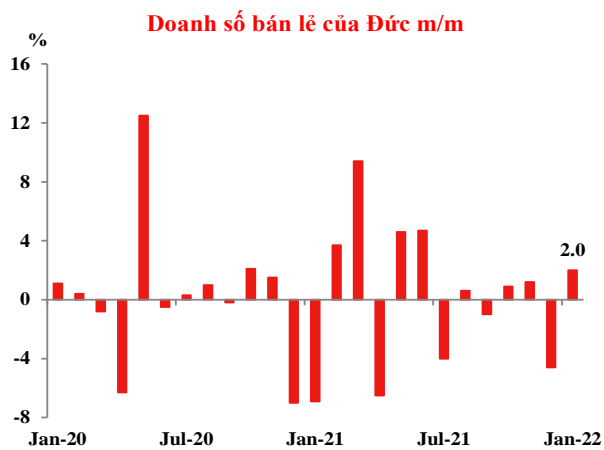
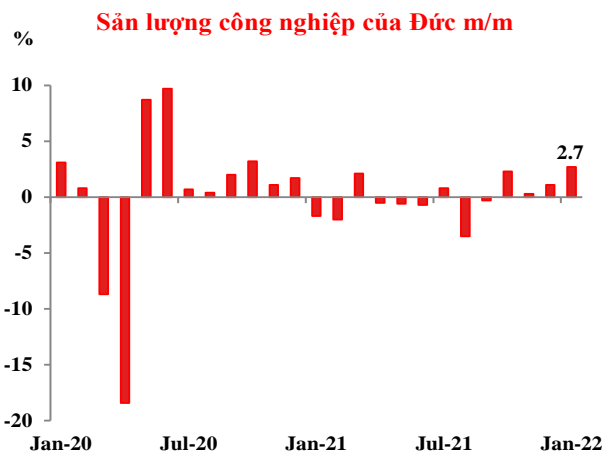
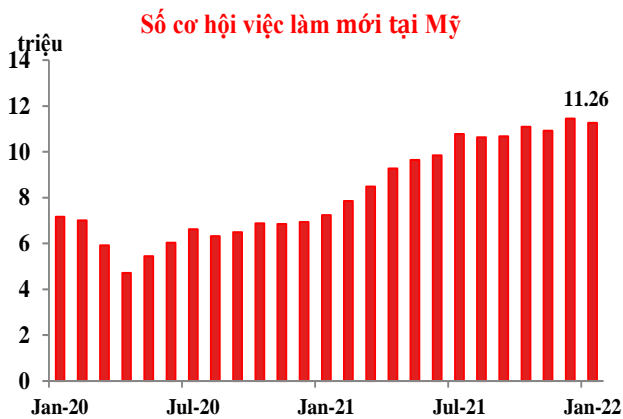
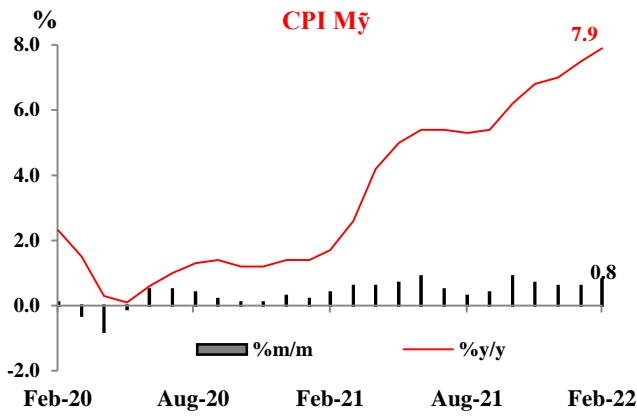


• Thị trường chứng khoán

11/03/22	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1466.54	442.20	115.37
thay đổi so với tuần trước	-2.58%	-1.86%	1.84%
thay đổi so với đầu năm	-2.12%	-6.71%	2.39%
KLGD/phiên (tr.đ.v)	895.53	140.56	0.11
thay đổi so với tuần trước	27.45%	107.79%	-99.90%
GTGD/phiên (tỷ đ)	29060.78	3764.72	0.0023
thay đổi so với tuần trước	40.65%	110.45%	57.34%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)	(3,651.23)	(45.05)	0.04

Tuần từ 07/03 - 11/03, thị trường chứng khoán Việt Nam chịu tác động tiêu cực từ biến động trên thế giới, giảm khá mạnh ở 2 sàn chính. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần 11/03, VN-Index đứng ở mức 1.466,54 điểm, tương ứng giảm 38,79 điểm (-2,58%) so với tuần trước đó; HNX-Index giảm 8,39 điểm (-1,86%) xuống 442,20 điểm; UPCOM-Index tăng 2,08 điểm (+1,84%) lên 115,37 điểm.

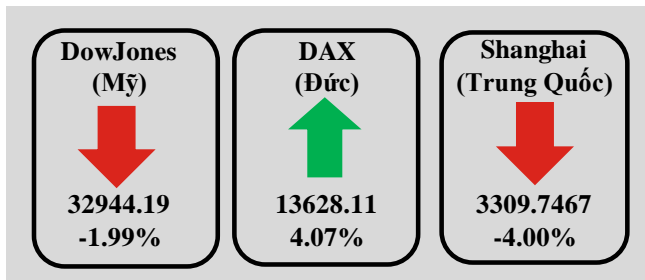
Thanh khoản thị trường tương tự tuần trước đó với giá trị giao dịch trung bình khoảng 32.800 tỷ đồng/phiên. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần 3.400 tỷ đồng trên cả 3 sàn.



Nước Mỹ đón một số thông tin kinh tế quan trọng, đặc biệt cho thấy áp lực lạm phát đã ở mức quá cao. Cụ thể, CPI toàn phần và CPI lõi của nước Mỹ lần lượt tăng 0,8% và 0,5% m/m trong tháng 2, sau khi cùng tăng 0,6% ở tháng trước đó, và đều khớp với dự báo của các chuyên gia. Theo đó, CPI toàn phần của nước Mỹ trong tháng vừa qua đã tăng tới 7,9% so với cùng kỳ năm 2021; là mức tăng y/y cao nhất trong vòng 40 năm trở lại đây. Tiếp theo, cán cân thương mại hàng hóa của nước này thâm hụt 89,7 tỷ USD trong tháng 1, sâu hơn mức thâm hụt 82,0 tỷ của tháng 12/2021 và đồng thời sâu hơn mức thâm hụt 87,5 tỷ theo dự báo. Ở lĩnh vực việc làm, nước Mỹ tạo ra 11,26 triệu cơ hội việc làm mới trong tháng 1, gần bằng mức 11,45 triệu của tháng trước đó và vượt qua mức 10,96 triệu theo kỳ vọng của các chuyên gia. Tuy nhiên, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 05/03 ở mức 227 nghìn đơn, tăng từ mức 216 nghìn đơn của tuần trước đó và lớn hơn mức 220 nghìn đơn theo dự báo. Cuối cùng, niềm tin tiêu dùng tại Mỹ do Đại học Michigan khảo sát ở mức 58,7 điểm trong tháng 3, giảm từ 62,8 điểm của tháng 2 và không đạt mức 61,4 điểm theo dự báo. Trong tuần này, NHTW Mỹ sẽ có cuộc họp quan trọng vào ngày 15-16/03. Kết quả cuộc họp sẽ được công bố vào sáng sớm ngày 17/03 theo giờ Việt Nam. CME – Mỹ dự báo tỷ lệ Fed nâng LSCS từ 0,0% - 0,25 lên 0,25% - 0,50% là 95%; khả năng cơ quan này không thay đổi LSCS chỉ là 5%.

NHTW Châu Âu ECB không thay đổi CSTT trong cuộc họp tháng 3. Bên cạnh đó, nước Đức ghi nhận một số chỉ báo kinh tế tích cực. Về ECB, cơ quan này duy trì LS tái cấp vốn ở mức 0,0%; LS cho vay cận biên 0,25% và LS tiền gửi -0,5%. Bên cạnh đó, ECB thông báo tiếp tục chương trình mua tài sản APP với 40 tỷ EUR trong tháng 4; 30 tỷ trong tháng 5 và 20 tỷ trong tháng 6. Mức độ mua trong quý 3 sẽ phụ thuộc vào dữ liệu thị trường giai đoạn tới. Tiếp theo, về chương trình mua tài sản khẩn cấp trong đại dịch PEPP, ECB không có sự thay đổi nào, vẫn tiếp tục giảm dần tốc độ mua và sẽ chấm dứt hoàn toàn vào cuối tháng 03/2022. Các tài sản đáo hạn trong tương lai theo PEPP sẽ được tái đầu tư cho tới cuối năm 2024. ECB cam kết thực hiện bất cứ chính sách nào cần thiết để đạt mục tiêu lạm phát trung hạn ở mức 2,0%. Liên quan tới kinh tế Đức, giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại quốc gia này tăng mạnh 1,8% m/m trong tháng 01/2022, nối tiếp đà tăng 3,0% của tháng trước đó và vượt so với mức tăng 0,9% theo dự báo. Như vậy, trong tháng đầu năm, giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Đức tăng tới 7,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo, sản lượng công nghiệp tại Đức tăng 2,7% m/m trong tháng đầu năm 2021, nối tiếp mức tăng 1,1% của tháng trước đó và vượt kỳ vọng tăng 0,5%. Cuối cùng, Berlin cho biết doanh số bán lẻ hồi phục 2,0% m/m trong tháng 1 sau khi giảm mạnh 4,6% ở tháng 12/2021, gần khớp với mức tăng 1,9% theo kỳ vọng.

Chỉ số chứng khoán tuần



Thị trường ngoại hối, vàng, dầu quốc tế

	11 Mar 22	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2021 (%)
USD index	99.12	0.48%	3.29%	6.71%
USD/CNY	6.34	0.32%	-0.21%	-2.65%
USD/EUR	0.92	0.16%	4.21%	7.43%
USD/JPY	117.28	2.18%	1.91%	11.47%
USD/KRW	1237.08	1.61%	4.13%	9.54%
USD/SGD	1.36	0.26%	1.10%	2.13%
USD/TWD	28.40	0.99%	2.49%	-1.29%
USD/THB	33.30	1.87%	0.21%	10.62%
USD/VND Trung tâm	23164	0.06%	0.08%	0.06%
USD/VND LNH	22809	0.17%	0.07%	-1.28%
USD/VND tự do	23430	0.00%	-0.09%	0.64%
Vàng	1985.29	0.86%	8.58%	-3.59%
Dầu	109.33	-5.49%	45.37%	55.01%

Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0793	0.0012				
1M	0.3966	0.0864	0.4364	0.0000	0.0497	0.0000
3M	0.8260	0.2159	0.6291	0.0005	0.0493	0.0000
6M	1.1306	0.1911	0.6932	0.0005	0.0493	0.0000
1Y	1.5960	0.2431				

Thị trường chứng khoán tuần qua có sự phân hóa ở các thị trường khác nhau, song nhìn chung vẫn cho thấy xu hướng suy giảm trong ngắn hạn do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine và các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Kết thúc phiên thứ Sáu, chỉ số Dow Jones giảm 1,99% w/w, chỉ số DAX hồi phục 4,07% và chỉ số Shanghai giảm khá mạnh 4,00%.

Vàng có nhiều biến động trong biên độ tương đối lớn; nhiều tổ chức ưa chuộng mua vào như hình thức trú ẩn khi căng thẳng địa chính trị phức tạp và lạm phát tiếp tục leo thang. Giá kim loại quý này đóng cửa phiên ngày thứ Sáu mức 1.985,29 USD/oz, tương đương tăng nhẹ 0,86% w/w.

Giá dầu chứng khiến tuần sụt giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2021 khi có một số thông tin cho biết OPEC có thể tăng sản lượng trong tương lai để tránh rủi ro về khủng hoảng nguồn cung toàn cầu. Kết thúc phiên thứ Sáu tuần qua, giá dầu WTI ở mức 109,33 USD/thùng, tương đương giảm khá mạnh 5,49% w/w.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn